

Bản án số: 142/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 14-9-2018

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Bê

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Tất - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1985

HKTT: Số A, tổ B, khu PL, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Hiện ngụ tại: Ấp C, xã AP, huyện LT, tỉnh Đồng Nai

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1983

HKTT: Số A, tổ B, khu PL, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 28/3/2018, các lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên Tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Chị và anh H chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn LT cấp giấy chứng nhận kết hôn số 626 quyển số III ngày 08/4/2008. Sau khi kết hôn chị và anh H chung sống với ba mẹ chồng tại khu PL, thị trấn LT. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng từ năm 2014 thì thường xuyên xảy ra

mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống vợ chồng không còn phù hợp, anh H thường xuyên nhậu nhẹt, khi vợ chồng tranh cãi nhiều lần anh H còn đập phá đồ đạc trong gia đình và đánh chị. Đến cuối tháng 3/2018 chị và anh H sống ly thân, chị và con trai bỏ về nhà ba mẹ ruột sinh sống. Từ khi ly thân, anh chị có bàn bạc đoàn tụ nhưng vợ chồng nói chuyện một lúc lại xảy ra tranh cãi nên không bàn bạc đoàn tụ được. Nay do không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể tiếp tục, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Bảo H, sinh ngày 24/01/2009.

Ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung. Về cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết, để anh H tự nguyện.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh Nguyễn Xuân H vắng mặt không có lí do

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo khách quan, toàn diện và dân chủ trong tranh tụng. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo luật định, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo luật định.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai chị T và kết quả xác minh cho thấy: Quá trình chung sống, anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã bàn bạc đoàn tụ nhưng không thành. Dù đã được Tòa án tổng đạt hòa giải nhưng anh H cố tình vắng mặt, cho thấy anh H không mong muốn hòa giải đoàn tụ. Vì vậy, chị T yêu cầu được ly hôn anh H là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Chị T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Xét hiện chị T đang nuôi dưỡng cháu H, cháu H cũng có nguyện vọng được sống với mẹ nên đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu H cho chị T được quyền nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Nguyễn Xuân H cư trú tại tổ B, khu PL, thị trấn LT, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Long Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Anh Nguyễn Xuân H đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng

mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Xét hôn nhân giữa chị T, anh H xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn LT, huyện LT đúng quy định pháp luật, theo giấy chứng nhận kết hôn số 626 quyển số III ngày 08/4/2008 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai chị T trong thời gian chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã bàn bạc đoàn tụ nhưng không thành, vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2018.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho anh H nhưng anh H không chấp hành tổng đạt của Tòa án nên không có lời khai và không tiến hành hòa giải được. Cho thấy anh H không có trách nhiệm trong mối quan hệ hôn nhân với chị T. Qua kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương nơi anh H, chị T chung sống. Xét mâu thuẫn vợ chồng phù hợp lời khai chị T. Cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh H đã mâu thuẫn trầm trọng.

Vì các lẽ trên, xét việc chị T yêu cầu được ly hôn anh H là hoàn toàn có cơ sở nên chấp nhận.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Bảo H, sinh ngày 24/01/2009. Ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét hiện tại chị T đang nuôi dưỡng cháu H, mặt khác cháu H có nguyện vọng được sống với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định của con trẻ nên giao cháu H cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Anh H không phải chịu án phí. Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T đối với anh Nguyễn Xuân H về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Xử cho chị

Nguyễn Thị Kim T được ly hôn anh Nguyễn Xuân Hải.

2/ Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Bảo H, sinh ngày 24/01/2009. Xử giao cho chị Nguyễn Thị Kim T được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét

Anh Nguyễn Xuân H có nghĩa vụ và có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Trừ trường hợp anh H lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 002098 ngày 09/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, chị T đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị Kim T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Xuân H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1),
- VKSND h. Long Thành (1),
- Chi cục THADS H. Long Thành (1),
- UBND TT LT (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2),
- Lưu (3).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Hà

